

Số : 010 / 2017/QĐ- THUV

Hung Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO VIỆT NAM

- Căn cứ vào thông tư 07/2015/BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Căn cứ Quyết định số 1502/2016/QĐ-THUV ngày 15 tháng 02 năm 2016 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam

- Căn cứ Quyết định số 2056 /QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam

- Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo – NCKH.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành 02 Chương trình đào tạo trình độ Đại học theo 02 ngành đào tạo (theo danh mục đính kèm) được giảng dạy tại Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam. Danh sách chương trình đào tạo gồm có:

- *Chương trình đào tạo Đại học ngành Xét nghiệm y học (Mã ngành 52720332).*

Điều 2. Chương trình này được áp dụng từ khóa tuyển sinh 2017.

Điều 3. Trường các đơn vị, các cá nhân và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- BGH (để biết);
- Trường các Phòng, Ban – để thực hiện;
- Lưu Đào tạo & nghiên cứu Khoa học



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 010/2017/QĐ-THUV ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Hiệu trưởng)

I. Chương trình đào tạo

Chương trình:	Cử nhân Xét nghiệm y học	
Trình độ đào tạo:	Đại học	
Ngành đào tạo:	Xét nghiệm y học	Mã ngành: 52720032
Loại hình:	Chính quy	

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Trường đại học Y khoa Tokyo Việt Nam hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực y tế mang tính quốc tế với mục đích tăng cường sự tự lập và sự cộng sinh của con người dựa trên Sứ mệnh thành lập của Trường và thực tiễn nhu cầu của nền y học hiện đại, trên cơ sở đó bồi dưỡng kiến thức và năng lực thiện tiến ngành nghề cho sinh viên.

1.2 Mục tiêu cụ thể

- Sinh viên ra trường có hiểu biết một cách đa diện và tổng hợp về con người, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với mọi người.
- Có năng lực thực hiện các xét nghiệm chất lượng cao một cách an toàn, học tập được những kỹ thuật - kiến thức chuyên môn để có thể đáp ứng được nhu cầu mang tính xã hội và quốc tế về chất lượng và an toàn y tế cùng với sự biến đổi của cấu trúc bệnh tật trên cơ sở áp dụng các dẫn chứng, cơ sở khoa học.
- Có năng lực liên kết và hợp tác giữa các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn như chăm sóc sức khỏe - y tế - phúc lợi xã hội, những vấn đề có liên quan tới y tế cộng đồng hay chăm sóc sức khỏe tại nhà - cộng đồng dựa trên hệ thống chế độ xã hội.
- Có đầy đủ năng lực để hỗ trợ công tác phòng bệnh, duy trì và tăng cường sức khỏe cho mọi người trên cơ sở tôn trọng giá trị bản thân và đời sống văn hóa của họ.
- Cùng với việc nâng cao chất lượng của ngành kỹ thuật Xét nghiệm y học, sinh viên ra trường có thể tự trau dồi để phù hợp với sự phát triển của xã hội toàn cầu.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm (thời gian học tập tối đa không quá 8 năm)
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

Khối lượng học tập	Khối lượng (Tín chỉ)
1. Kiến thức giáo dục đại cương	45
2. Kiến thức giáo dục chuyên môn	90
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành	30
2.2. Kiến thức chuyên ngành	60
TỔNG CỘNG	135

4. Đối tượng tuyển sinh: Những đối tượng đáp ứng những yêu cầu dưới đây được tuyển vào học tại Trường.
 - a. Đã tốt nghiệp THPT
 - b. Đã hoàn thành chương trình phổ thông 12 năm
 - c. Đủ 18 tuổi, có học lực tương đương hoặc cao hơn học sinh tốt nghiệp THPT

5. Quy trình đào tạo và điều kiện xét tốt nghiệp:

5.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo thực hiện theo Thông tư Số: 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Hằng năm, Nhà trường tiến hành điều chỉnh tín chỉ đào tạo cơ bản. Quá trình đào tạo được thực hiện theo từng năm học. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra.

5.2 Điều kiện xét tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- a. Tích lũy đủ số tín chỉ cho chương trình đào tạo.
- b. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- c. Trình độ ngoại ngữ: Hoàn thành học phần ngoại ngữ theo quy định của Trường.
- d. Trình độ tin học: Hoàn thành học phần Tin học cơ bản theo quy định của Trường.
- e. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;
- f. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- f. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. **Thang điểm:** Theo học chế tín chỉ.

7. **Nội dung chương trình đào tạo**

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	8	7	1
2	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	1	2
3	Tin học	2	1	1
4	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5	0
5	Tiếng Anh I	4	3	1
6	Tiếng Nhật I	2	2	0
7	Tiếng Nhật II	4	4	0
8	Kỹ năng giao tiếp	1	1	0
9	Tiếng Nhật A	2	1	1
10	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0
11	Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần			
	Khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	1	1	0
	Đại cương khoa học hành vi	1	1	0
12	Tiếng Anh II	2	1	1
13	Tiếng Nhật III	2	2	0
14	Tiếng Anh A	1	1	0
15	Tiếng Nhật B	2	2	0
16	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
17	Tiếng Anh III	2	2	0
18	Tiếng Nhật IV	2	2	0
19	Tiếng Anh B	1	1	0
20	Tiếng Nhật C	2	2	0
21	Khái quát khoa học sự sống	2	2	0
22	Đại cương văn minh nhân loại			
	Đại cương văn minh nhân loại	1	1	0
	Luân lý sinh mệnh	1	1	0
Tổng				
<i>(Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)</i>		45	41	4

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên môn

7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Giải phẫu học	4	2	2
2	Sinh lý học	3	2	1
3	Sinh hóa	2	2	0
4	Bệnh lý học	2	2	0
5	Vi sinh vật	2	2	0
6	Đại cương kỹ thuật y học	2	2	0
7	Giải phẫu chức năng	2	1	1
8	Dược lý học	2	2	0
9	Điều dưỡng học	1	1	0

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
10	Dịch tễ học - thống kê y tế	2	2	0
11	Kỹ thuật công nghiệp y học	2	2	0
12	Chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội			
	Y tế công cộng	2	2	0
	Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	2	2	0
13	Môi trường và sức khỏe	1	1	0
14	Liên kết ngành trong chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội	1	1	0
Tổng		30	26	4

7.2.2 Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tổng quan về máy xét nghiệm	1	1	0
2	Bệnh lý học lâm sàng			
	Tổng quan y học xét nghiệm cận lâm sàng	1	1	0
	Đại cương bệnh lý học lâm sàng	1	1	0
	Bệnh lý học lâm sàng I	2	1	1
	Bệnh lý học lâm sàng II	2	1	1
3	Xét nghiệm bệnh lý học			
	Xét nghiệm bệnh lý học	1	1	0
	Thực hành xét nghiệm bệnh lý học	1	0	1
4	Xét nghiệm cơ bản			
	Xét nghiệm cơ bản	1	1	0
	Thực hành xét nghiệm cơ bản I	1	0	1
	Thực hành xét nghiệm cơ bản II	2	0	2
5	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý			
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý I	1	1	0
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý II	1	1	0
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý III	1	1	0
6	Tổng quan về quản lý y tế	1	1	0
7	Mô bệnh học và tế bào bệnh học			
	Mô bệnh học và tế bào bệnh học	1	1	0
	Thực hành mô bệnh học và tế bào bệnh học	1	0	1
8	Hóa phân tích			
	Hóa phân tích I	1	1	0
	Hóa phân tích II	1	1	0
	Thực hành hóa phân tích	1	0	1
9	Xét nghiệm vi sinh			
	Xét nghiệm vi sinh I	1	1	0
	Xét nghiệm vi sinh lâm sàng I	1	1	0
	Xét nghiệm vi sinh II	1	0	1
	Xét nghiệm vi sinh lâm sàng II	2	0	2
10	Quản lý an toàn y tế	1	1	0
11	Xét nghiệm huyết học			
	Xét nghiệm huyết học	2	2	0
	Thực hành Xét nghiệm huyết học	2	0	2
12	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý			
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý I	1	0	1
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý II	2	0	2

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý III	3	0	3
13	Xét nghiệm ký sinh trùng	1	1	0
14	Thực hành xét nghiệm hóa phân tích lâm sàng	4	0	4
15	Thống kê y học	1	1	0
16	Xét nghiệm miễn dịch và truyền máu			
	Xét nghiệm miễn dịch và truyền máu	2	2	0
	Thực hành xét nghiệm miễn dịch và truyền máu	3	0	3
17	Thực tập lâm sàng	7	0	7
18	Thực hành tổng hợp xét nghiệm lâm sàng	4	0	4
Tổng		60	23	37

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)
HỌC KỲ 1 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ NHẤT)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tin học	2	1	1
2	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5	0
3	Tiếng Anh I	4	3	1
4	Tiếng Nhật I	2	2	0
5	Tiếng Nhật II	4	4	0
6	Giải phẫu học	4	2	2
7	Sinh lý học	3	2	1
8	Sinh hóa	2	2	0
Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ nhất		26	21	5

HỌC KỲ 2 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ NHẤT)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	8	7	1
2	Kỹ năng giao tiếp	1	1	0
3	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	1	2
4	Tiếng Nhật A	2	1	1
5	Bệnh lý học	2	2	0
6	Vì sinh vật	2	2	0
7	Đại cương kỹ thuật y học	2	2	0
8	Giải phẫu chức năng	2	1	1
Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ nhất (Chưa kể học phần <i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh, giáo dục thể chất</i>)		11	9	2

HỌC KỲ 3 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ HAI)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0
2	Đại cương khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần			
	Khoa học sức khỏe thể chất và tinh thần	1	1	0

3	Đại cương khoa học hành vi	1	1	0
4	Tiếng Anh II	2	1	1
5	Tiếng Nhật III	2	2	0
6	Tiếng Anh A	1	1	0
7	Tiếng Nhật B	2	2	0
8	Dược lý học	2	2	0
9	Tổng quan về máy xét nghiệm	1	1	0
10	Bệnh lý học lâm sàng			
	Tổng quan y học xét nghiệm cận lâm sàng	1	1	0
	Đại cương bệnh lý học lâm sàng	1	1	0
	Bệnh lý học lâm sàng I	2	1	1
	Bệnh lý học lâm sàng II	2	1	1
11	Xét nghiệm bệnh lý học			
	Xét nghiệm bệnh lý học	1	1	0
	Thực hành xét nghiệm bệnh lý học	1	0	1
12	Xét nghiệm cơ bản			
	Xét nghiệm cơ bản	1	1	0
	Thực hành xét nghiệm cơ bản I	1	0	1
	Thực hành xét nghiệm cơ bản II	2	0	2
Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ hai		27	20	7

HỌC KỲ 4 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ HAI)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
2	Tiếng Anh III	2	2	0
3	Tiếng Nhật IV	2	2	0
4	Tiếng Anh B	1	1	0
5	Tiếng Nhật C	2	2	0
6	Điều dưỡng học	1	1	0
7	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý			
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý I	1	1	0
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý II	1	1	0
	Xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý III	1	1	0
8	Tổng quan về quản lý y tế	1	1	0
9	Mô bệnh học và tế bào học			
	Mô bệnh học và tế bào bệnh học	1	1	0
	Thực hành mô bệnh học và tế bào bệnh học	1	0	1
10	Hóa phân tích			
	Hóa phân tích I	1	1	0
	Hóa phân tích II	1	1	0
	Thực hành hóa phân tích	1	0	1
11	Xét nghiệm vi sinh			
	Xét nghiệm vi sinh I	1	1	0
	Xét nghiệm vi sinh lâm sàng I	1	1	0
	Xét nghiệm vi sinh II	1	0	1
	Xét nghiệm vi sinh lâm sàng II	2	0	2
Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ hai		24	19	5

HỌC KỲ 5 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ BA)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Dịch tễ học - thống kê y tế	2	2	0
2	Kỹ thuật công nghiệp y học	2	2	0
3	Quản lý an toàn y tế	1	1	0
4	Xét nghiệm huyết học			
	Xét nghiệm huyết học	2	2	0
	Thực hành Xét nghiệm huyết học	2	0	2
5	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý			
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý I	1	0	1
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý II	2	0	2
	Thực hành xét nghiệm thăm dò chức năng sinh lý III	3	0	3
Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ ba		15	7	8

HỌC KỲ 6 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ BA)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội			
	Y tế công cộng	2	2	0
	Lý thuyết chế độ an sinh xã hội	2	2	0
2	Môi trường và sức khỏe	1	1	0
3	Liên kết ngành trong chăm sóc sức khỏe y tế và phúc lợi xã hội	1	1	0
4	Xét nghiệm ký sinh trùng	1	1	0
5	Thực hành xét nghiệm hóa phân tích lâm sàng	4	0	4
6	Thống kê y học	1	1	0
7	Xét nghiệm miễn dịch và truyền máu			
	Xét nghiệm miễn dịch và truyền máu	2	2	0
	Thực hành xét nghiệm miễn dịch và truyền máu	3	0	3
Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ ba		17	10	7

HỌC KỲ 7 (HỌC KỲ ĐẦU NĂM THỨ TƯ)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Khái quát khoa học sự sống	2	2	0
2	Thực tập lâm sàng	7	0	7
Tổng số tín chỉ của học kỳ đầu năm thứ tư		9	2	7

HỌC KỲ 8 (HỌC KỲ SAU NĂM THỨ TƯ)

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
1	Đại cương văn minh nhân loại			
	Đại cương văn minh nhân loại	1	1	0
	Luân lý sinh mệnh	1	1	0
2	Thực hành tổng hợp xét nghiệm lâm sàng	4	0	4

TT	Tên học phần / học phần:	Số đơn vị tín chỉ		
		Tổng	Lý Thuyết	Thực hành
Tổng số tín chỉ của học kỳ sau năm thứ tư		6	2	4

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn (nếu có).

9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dung dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, cung cấp cho sinh viên trước 01 tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận,...giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Kiểm tra, đánh giá

Được quy định cụ thể tại đề cương chi tiết học phần.

9.4. Đối với sinh viên

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

9.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm: 59.600.000 VNĐ /năm.